

THỜI KỲ CƠ CẤU DÂN SỐ VÀNG Ở NÔNG THÔN VÀ CUỘC KHỦNG HOẢNG NGUỒN NHÂN LỰC Ở ĐÔ THỊ

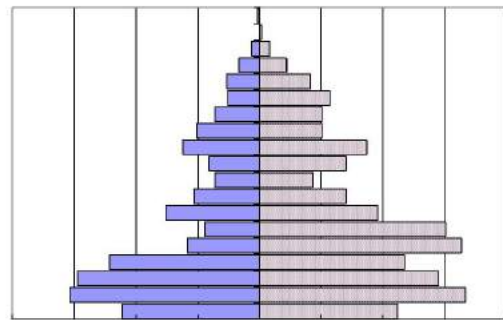
TS. ĐỖ THỊ VÂN ANH*

Nguồn nhân lực là nguồn lực con người của một quốc gia hay một vùng lãnh thổ, một địa phương nhất định đang và có khả năng tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Cũng có quan điểm cho rằng, nguồn nhân lực được hiểu là toàn bộ trình độ chuyên môn mà con người tích lũy được có khả năng đem lại thu nhập trong tương lai. Một quan điểm khác lại khẳng định, nguồn nhân lực là tổng thể các tiềm năng lao động của một nước hay một địa phương, tức là nguồn lao động được chuẩn bị ở các mức độ khác nhau sẵn sàng tham gia vào một công việc lao động nào đó, đó là những người lao động có kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của chuyển đổi cơ cấu lao động, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (Đặng Cảnh Khanh 2006; Henry Nicholas 2006; Phạm Minh Hạc - Chủ biên 1996). Như vậy, nếu coi nguồn nhân lực là lao động qua đào tạo sẽ dẫn đến một sự phân hóa lớn về trình độ của nguồn nhân lực này. Tuy nhiên, trên thực tế, nguồn nhân lực cung cấp cho thị trường lao động hiện nay ở Việt Nam đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội chưa? Họ xuất thân từ đâu và trình độ học vấn của họ như thế nào? Đó là những vấn đề đặt ra bài toán về cơ cấu dân số hiện nay - đặc biệt là dân số ở nông thôn. Liệu có độ chênh nào giữa thực trạng cơ cấu dân số vàng của Việt Nam với trình độ tay nghề chuyên môn của nguồn nhân lực hiện nay?

1. Cơ cấu dân số ở nông thôn - so sánh hai trường hợp điển hình năm 1984 và năm 2014

Sự thay đổi của Việt Nam trong khoảng 30 năm vừa qua là to lớn. Trong sự thay đổi đó, nông thôn đóng một vai trò đặc sắc: vừa như một bệ đỡ cho tất cả những sự thay đổi vừa như là đối tượng mà mọi sự phát triển phải nhắm tới. Việc xem xét kỹ lưỡng tổ chức xã hội cơ sở của nông thôn, cộng đồng làng xã, cho phép chúng ta nhận diện rõ hơn về cơ hội phát triển của Việt Nam trong những năm sắp tới. Có hai yếu tố sẽ được đề cập tới ở đây là cơ cấu dân số và những điều kiện cần thiết cho phép cung cấp một nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp với thời kỳ phát triển mới dựa vào khoa học và công nghệ.

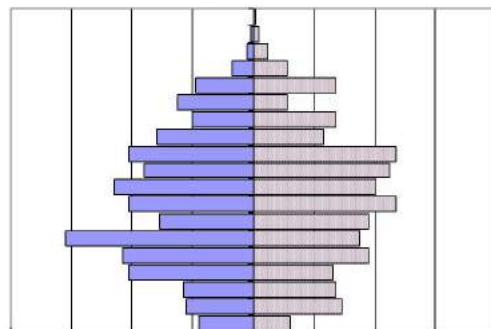
Biểu đồ 1: Tháp dân số xã Quyết Tiến, Kiến Xương, Thái Bình, 3/1984



Nguồn: "Chung quanh tháp dân số ở một xã đồng bằng Bắc bộ", Tạp chí Xã hội học số 4/1984.

Đây là cơ cấu dân số đặc trưng cho các xã hội đang phát triển: mức sinh cao, tỷ lệ người già thấp. Nhóm tuổi 0-14 chiếm tới 34,4% còn nhóm 15-54 chiếm 58,0%. Số lượng nữ giới ở lại nông thôn cao trong khi số lượng xuất cư là nam giới chiếm đa số.

Biểu đồ 2: Tháp dân số xã Cao Đức, Gia Bình, Bắc Ninh 7/2014



Nguồn: Đề tài "Cộng đồng làng xã Việt Nam - nghiên cứu trường hợp xã Cao Đức, Bắc Ninh" của khoa Xã hội học, Đại học Công đoàn, năm 2014

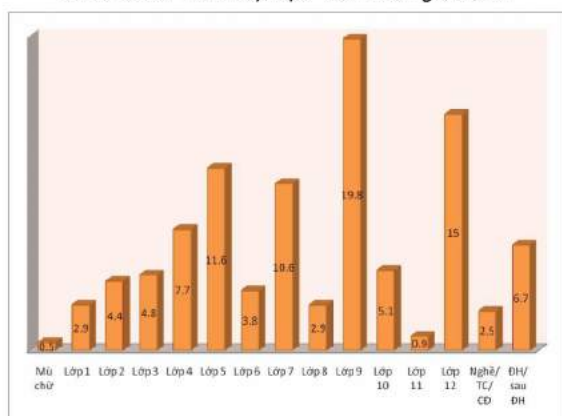
* Trường Đại học Công đoàn

30 năm sau, cơ cấu dân số nông thôn đã hoàn toàn hiện đại với số trẻ em dưới 15 tuổi là 13,1% và số người già trên 65 là 11,1%. Lớp tuổi chiếm số đông trong nhóm người dân tại xã Cao Đức từ 15 tuổi 64 tuổi, nhóm trong độ tuổi lao động. Trong tương lai, vấn đề tồn tại là lượng người cao tuổi (hết tuổi lao động) khá cao và đây là nhóm tuổi đang sinh sống ở tại xã. Nhóm tuổi lao động nhất là nhóm thanh thiếu niên theo kết quả điều tra thì khoảng 50% luôn đi động ra ngoài xã và khá nhiều người dân ở độ tuổi này đã di cư sinh sống ở tỉnh khác nhưng vẫn đăng ký hộ khẩu tại địa phương cũ của mình.

Nhóm thứ hai ở lại địa phương nhiều hơn là nữ giới. Tuy nhiên, nếu trước kia việc di cư sang tỉnh khác hầu như là sự lựa chọn của nam giới thì nay số phụ nữ ra ngoài nhiều hơn và ít giới hạn ở lại nông thôn hơn để làm bốn phận của người phụ nữ trong gia đình. Người phụ nữ tại nông thôn nay có nhiều cơ hội được thoát khỏi xã hơn để tìm kiếm cơ hội công việc và cuộc sống mới.

Trình độ học vấn của người dân

Biểu đồ 3: Trình độ học vấn của người dân



Nguồn: Để tài "Cộng đồng làng xã Việt Nam - nghiên cứu trường hợp xã Cao Đức, Bắc Ninh" của khoa Xã hội học, Đại học Công đoàn, năm 2014

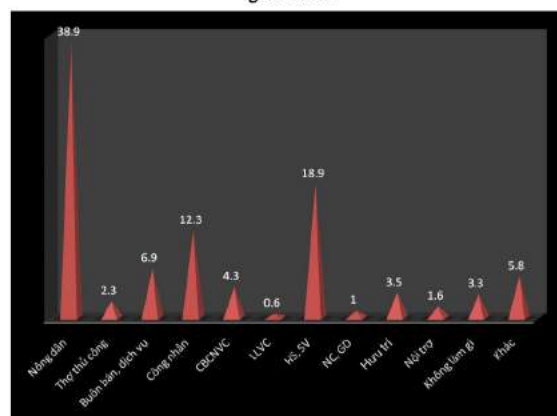
Về vấn đề trình độ học vấn của người dân xã Cao Đức, trong số 864 thành viên trong hộ điều tra có 688 người ở độ tuổi 20 trở lên. Đây sẽ là mối quan tâm của nhóm nghiên cứu để xem xét trình độ học vấn của những người trong độ tuổi lao động và đã hết tuổi học phổ thông.

Nhìn vào biểu đồ 2 cho thấy: người dân học hết lớp 9 chiếm tỷ lệ cao nhất là 19,8%, tiếp đó là học hết lớp 12 (15%). Những mốc hết lớp 5, lớp 7, lớp 9, lớp 12 là những cột mốc hết một cấp học (lớp 5, lớp 7 là hết cấp thời kỳ trước khi cải cách giáo dục; lớp 9, lớp 12 là hết cấp thời kỳ cải cách giáo dục). Tỷ lệ học đại học và sau đại học của người dân là 6,7%.

Kết quả điều tra trên thể hiện thực tế về trình độ học vấn của khu vực nông thôn. Trên bình diện chung trình độ học vấn của người dân không cao, họ chỉ cần hết cấp học để xóa nạn mù chữ và có những kiến thức phổ thông cơ bản là sẽ chuyển hướng sang đi làm. Lý do bởi gia đình nghèo không có khả năng đi học, vì khó tiếp thu được kiến thức nên dẫn tới tình trạng người dân bỏ học giữa chừng nhiều.

Nghề nghiệp của người dân:

Biểu đồ 4: Nghề nghiệp của người dân trong các hộ gia đình



Nguồn: Để tài "Cộng đồng làng xã Việt Nam - nghiên cứu trường hợp xã Cao Đức, Bắc Ninh" của khoa Xã hội học, Đại học Công đoàn, năm 2014.

Trong 852 người dân đã được điều tra, tỷ lệ nông dân chiếm 38,9%, hầu như rơi vào những người còn đang sinh sống tại xã Cao Đức. 18,9% là học sinh, sinh viên cũng là những người đang sinh sống tại xã. Nhóm công nhân (12,3%), nhóm buôn bán, dịch vụ (6,9%) hầu như là những người di cư nhưng vẫn còn hộ khẩu tại hộ gia đình điều tra đó. Những ngành nghề thợ thủ công, CBCNVV, LLVT, NCGD... chiếm tỷ lệ rất ít tại địa điểm điều tra.

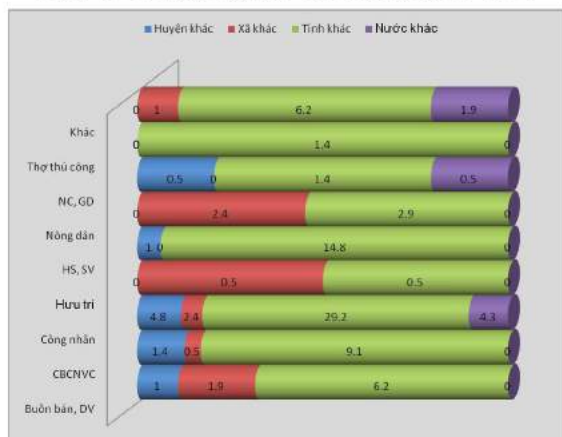
Điều này cho thấy một thực tế tồn tại là hầu hết người dân làm thuần nông, không có đặc trưng làng nghề và cũng không đa dạng ngành nghề. Đây là yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế của xã Cao Đức và khó có tiêu chí để xã trở thành trọng điểm kinh tế nếu như không có sự quan tâm đầu tư và thu hút nguồn nhân lực về địa phương.

Đặc tính nghề nghiệp trên thể hiện lớp phân tầng ở đây hầu như là các gia đình thuần nông. Cuộc sống chủ yếu dựa vào chăn nuôi và trồng trọt. Chính vì lẽ đó người dân của xã còn nghèo, nghề nông không thể đủ cho họ trang trải cuộc sống nên số người di cư ngày càng tăng. Những người ở lại hầu như chỉ là người già, trẻ em để giữ đất nông nghiệp,

trông coi hương hỏa tổ tiên. Đây không phải là lực lượng chính của gia đình và cũng không phải lớp tuổi thanh niên trong thời kỳ sung sức để lao động.

Nghề nghiệp của nhóm di cư:

Biểu đồ 5: Nghề nghiệp của những người di cư



Nguồn: Đề tài “Cộng đồng làng xã Việt Nam - nghiên cứu trường hợp xã Cao Đức, Bắc Ninh” của khoa Xã hội học, Đại học Công đoàn, năm 2014

Trong số 209 người di cư sang huyện khác, xã khác, tỉnh khác hay nước khác tỉ số đồng họ đi di cư sang tỉnh khác để tìm kiếm công việc. Công việc chủ yếu khi người dân xã Cao Đức đi tìm là làm công nhân, chiếm 29,2% và sang nước ngoài xuất khẩu lao động để làm công nhân chiếm 4,3%.

Nhóm thứ hai là nhóm đi học nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học ở tỉnh khác là nhóm học sinh, sinh viên (chiếm 14,8%). Làm CBCNVC ở tỉnh khác là 9,1%, buôn bán dịch vụ là 6,2%, nông dân làm việc trong các trang trại chăn nuôi, trồng trọt ở tỉnh khác chiếm 2,9%.

Phần lớn những người dân di cư là để thoát nghèo, và để thoát nghề nông cho nên ngành nghề chủ yếu họ lựa chọn là phi nông nghiệp. Những ngành nghề này ở tại địa phương hầu như không có. Ở xã cũng không có khu công nghiệp nên không thu hút lực lượng lao động về. Vì thiếu đất canh tác nông nghiệp nên không có hộ gia đình làm trang trại. Tất cả những yếu tố bất cập đó nên tỷ lệ di cư của người dân tại đây càng ngày càng nhiều, cho nên số người dân ở lại xã Cao Đức ngày càng thưa thớt.

Như vậy, cho đến bây giờ, nông thôn là nơi có nguồn nhân lực rất dồi dào để cung cấp cho thị trường lao động trong và ngoài nước. Tuy nhiên trên thực tế, chất lượng nguồn nhân lực đang là vấn đề đáng lo ngại trước những đòi hỏi của nền kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới.

2. Những vấn đề đặt ra cho chất lượng dân số và nguồn nhân lực cho Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đầu tiên, có thể thấy với cơ cấu dân số như hiện nay, sự chuyển đổi mô hình phát triển từ sử dụng lao động cơ bắp sang lao động có chuyên môn cao là bắt buộc nếu Việt Nam định tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, thực trạng học vấn ở nông thôn không cho phép tiếp nhận các hoạt động có hàm lượng khoa học và công nghệ cao vào nông thôn cũng như nông thôn ít có khả năng cung cấp nhiều hơn nữa nguồn nhân lực phù hợp cho các hoạt động đòi hỏi trình độ công nghệ cao.

Vậy nên sau khi đã có rất nhiều chiến lược, từ chiến lược phát triển công nghiệp cơ bản đến chiến lược phát triển công nghiệp hỗ trợ, cũng như đủ loại các loại chiến lược khác cùng đủ loại các viện chiến lược được lập ra, có lẽ chỉ có một việc cần nhất mà các nhà lập chính sách nên quan tâm là làm thế nào để có một sự chuẩn bị nghiêm túc nguồn nhân lực cần thiết, mà trước hết là kỹ sư cho công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá Việt Nam trong 15 năm tới. Ở đây cần phân định rõ vai trò của nhà nước và thị trường: nhà nước tạo dựng ra các khuôn khổ pháp lý cho thị trường hoạt động. Và nhà nước phải gánh cho thị trường những gì mà thị trường không làm được hoặc làm không có hiệu quả. Đây sẽ không phải chỉ là những lời hô hào chung chung về việc hình thành một đội ngũ kỹ sư giỏi tay nghề, tốt về đạo đức như một thứ trang sức lông lánh, nhưng không thiết thực, mà cần có những chính sách khuyến khích cụ thể để các thế hệ trẻ theo đuổi các nghề kỹ thuật và sống chết với nghiệp kỹ sư.

Chuyện tuyển không được kỹ sư dù trả lương cao là một chuyện vừa mới xảy ra nhưng không bất ngờ nếu nhìn lại toàn bộ chính sách phát triển nguồn nhân lực của chúng ta trong suốt một phần tư thế kỷ vừa qua. Đây quả thực là một câu chuyện cổ tích có hậu cho những ai bỏ cả cuộc đời mình vào việc học hành và theo đuổi sự nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp. Trong thời kỳ khoa học công nghệ phát triển thì cái gì cũng có thể, nhưng thời nào cũng có một cái không thể là: bằng giả không làm nên được người kỹ sư thật. Khoa học và công nghệ càng hiện đại, kỹ sư càng có giá. Và khoa học và công nghệ không nên chỉ là đồ trang sức tốn kém cho xã hội. □

(Xem tiếp trang 30)

3. G. Endruweit và G. Trommsdorff, *Từ điển Xã hội học*, Nhà xuất bản thế giới, 2002.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Ngọc Hùng (2011) "Lịch sử và lý thuyết xã hội học", NXB ĐHQG.
2. Lê Ngọc Hùng (2012) "Lý thuyết xã hội học hiện đại", NXB ĐHQG.
3. Lê Ngọc Hùng (2003) "Lý thuyết và phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội: trường hợp tìm kiếm việc làm của sinh viên", *Tạp chí Xã hội học* số 2 (82).
4. Lê Ngọc Hùng (2008) "Vốn xã hội, vốn con người và mạng lưới xã hội qua một số nghiên cứu ở Việt Nam", *Tạp chí con người* (số 4) tr.45-54.
5. WWW. Thongdiepquocsong "Ảnh hưởng của mạng xã hội đến lối sống của giới trẻ".
6. Giáo trình "Xã hội học quản lý" NXB Khoa học kỹ thuật, H.2006.
7. Phạm Hồng Tung, "Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận", *Tạp chí khoa học ĐHQGHN*, khoa học xã hội và nhân văn số 3 (2007) tr 271-278.
8. Phạm Huy Cương "Sự tác động của mạng lưới quan hệ xã hội đến việc làm của sinh viên tốt nghiệp Khoa Xã hội học, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQGHN", *Luận văn thạc sĩ Xã hội học*.

9. Phạm Văn Hậu (2006), *Vai trò của mạng lưới xã hội đối với quá trình di dân tự do nông thôn đô thị*, tiểu luận chuyên đề phương pháp nghiên cứu trong Dân tộc học - Nhân học, khoa Lịch sử - Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn.

10. Lê Thanh Hà "Xây dựng lối sống công nhân trong điều kiện công nghiệp". <http://www.congdoanvn.org.vn/>.
11. Nguyễn Văn Huyền "Lối sống người Việt Nam dưới tác động của toàn cầu hóa hiện nay" *Tạp chí Triết học* 12/2003.
12. Trần Đức "lối sống và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng lối sống trong giai đoạn hiện nay", *Khoa dân vận - Trường Chính trị Lê Duẩn*.
13. Tô Duy Hợp - Nguyễn Thị Thu Hoài, Đề tài KX.03.14/06-10: Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập, Chuyên đề: Mối quan hệ cộng đồng/ cá nhân - các giá trị truyền thống và những thách thức trước xã hội hiện đại.
14. Vũ Quang Thọ - Chủ nhiệm đề tài "Lối sống công nhân Việt Nam trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa", *Viện công nhân công đoàn - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam*.

VÀI NÉT VỀ LỐI SỐNG CÔNG NHÂN...

(Tiếp theo trang 55)

lối sống công nhân hiện nay. Và việc tìm hiểu về lối sống công nhân hiện nay nhằm hướng tới xây dựng một đội ngũ công nhân trong thời đại mới với khả năng lao động, sáng tạo, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thành Nghị và Vũ Hoàng Ngân, (2004), "Quản lý nguồn nhân lực ở Việt Nam: một số vấn đề lý luận và thực tiễn". NXB Khoa học Xã hội Hà Nội.
2. Phạm Lan Hương (2010), "Các vấn đề về quan hệ lao động trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế". *Nxb Lao động và xã hội Hà Nội*.
3. Nguyễn Minh Phong, (2011), "Chính sách lao động - việc làm nhìn từ góc độ kinh tế vĩ mô". *Tạp chí Tài chính Điện tử* số 96.
4. Lưu Quang Tuấn, (2012), "Lao động - việc làm năm 2011 và triển vọng năm 2012". *Viện Khoa học lao động và xã hội* (<http://ecna.gov.vn>, 2012).
5. Trần Việt Tiến, (2012), "Chính sách việc làm ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng hoàn thiện". *Tạp chí Kinh tế phát triển* số 181, trang 40-47.
6. Đặng Ngọc Tùng, "Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam vững mạnh" (<http://laodong.com.vn>, ngày 15.1.2011).

THỜI KÌ CƠ CẤU DÂN SỐ VÀNG...

(Tiếp theo trang 33)

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Cảnh Khanh. 2006. *Nguồn nhân lực trẻ các dân tộc thiểu số - Những phân tích Xã hội học*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thanh niên.
2. Henry, Nicholas. 2006. *Public Administration and Public Affairs*. Upper Sadder River: Peason Prentice Hall.
3. Phạm Minh Hạc - Chủ biên. 1996. *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia.
4. Phạm Bích San, *Chung quanh tháp dân số ở một xã đồng bằng Bắc bộ*, *Tạp chí Xã hội học* số 4/1984
5. Đề tài "Cộng đồng làng xã Việt nam - nghiên cứu trường hợp xã Cao Đức, Bắc Ninh" của khoa Xã hội học, Đại học Công đoàn, năm 2014
6. <http://vn.jokerpiece.asia/thuc-trang-giai-phap-cho-nguon-nhan-luc-cong-nghiep-tai-viet-nam/>
7. <http://vneconomy.vn/thoi-su/nghich-ly-luong-khung-van-thieu-ky-su-dien-tu-201504061022816.htm>
8. http://www.molisa.gov.vn/Images/File_AnPham/fileanpham2014771436556.pdf
9. http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieu_vankien/vankiendang/details.asp?topic=191&subtopic=8&leader_topic=226&id=BT1370335562